

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 34 lô đất ở tại Khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (đợt 6, năm 2023)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với 34 lô đất ở tại Khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (đợt 6, năm 2023);

Căn cứ Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với 34 lô đất ở tại Khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (đợt 6, năm 2023);

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 211/TTr-STC ngày 12/5/2023 (kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh ngày 05/5/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 34 lô đất ở tại Khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (đợt 6, năm 2023); chi tiết như Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất đối với 34 lô đất ở nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài

nguyên và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TP, XD;
- UBND TP Quy Nhơn;
- Lưu: VT, K16

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục
GIÁ KHỞI ĐIỀN CỦA 34 LÔ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ PHÍA ĐÔNG CHỢ DINH MỚI,
PHƯỜNG NHƠN BÌNH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN (PHƯƠNG ÁN ĐỢT 6, NĂM 2023)
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích	Tên đường	Lộ giới	Đơn giá đất ở theo Bảng giá đất công bố tại Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh (đồng/m ²)	Đơn giá đất ở khởi điểm theo giá thị trường được phê duyệt (đồng/m ²)	Ghi chú
I	KHU A1	5	728,50					
1	A1-1	1	163,00	Đường ĐS1 Đường ĐS7	14 14	5.400.000	20.400.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	A1-14	1	160,00	Đường ĐS2 Đường ĐS7	14 14	5.400.000	20.400.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
3	A1-15	1	160,00	Đường ĐS2 Đường ĐS6	14 20	7.560.000	24.000.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
4	A1-27	1	87,50	Đường ĐS6	20	6.300.000	20.000.000	
5	A1-28	1	158,00	Đường ĐS1 Đường ĐS6	14 20	7.560.000	24.000.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
II	KHU A2	4	595,00					
1	A2-1	1	151,00	Đường ĐS1 Đường ĐS6	14 20	7.560.000	24.000.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	A2-14	1	149,00	Đường ĐS2 Đường ĐS6	14 20	7.560.000	24.000.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
3	A2-15	1	149,00	Đường ĐS2 Đường ĐS5	14 14	5.400.000	20.400.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
4	A2-28	1	146,00	Đường ĐS1 Đường ĐS5	14 14	5.400.000	20.400.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
III	KHU A5	1	154,00					
1	A5-1	1	154,00	Đường ĐS2 Đường ĐS6	14 20	7.560.000	24.000.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
IV	KHU A6	2	318,00					
1	A6-1	1	159,00	Đường ĐS2 Đường ĐS7	14 14	5.400.000	20.400.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	A6-48	1	159,00	Đường ĐS2 Đường ĐS6	14 20	7.560.000	24.000.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích	Tên đường	Lộ giới	Đơn giá đất ở theo Bảng giá đất công bố tại Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh (đồng/m2)	Đơn giá đất ở khởi điểm theo giá thị trường được phê duyệt (đồng/m2)	Ghi chú
V	KHU A7	22	2.246,00					
1	A7-1	1	173,00	Đường ĐS2 Đường ĐS8	14 14	5.400.000	20.400.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	A7-2	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
3	A7-3	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
4	A7-4	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
5	A7-5	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
6	A7-6	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
7	A7-7	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
8	A7-8	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
9	A7-9	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
10	A7-10	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
11	A7-11	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
12	A7-12	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
13	A7-13	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
14	A7-14	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
15	A7-15	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
16	A7-16	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
17	A7-17	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
18	A7-18	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
19	A7-19	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
20	A7-20	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
21	A7-21	1	95,00	Đường ĐS8	14	4.500.000	16.000.000	
22	A7-48	1	173,00	Đường ĐS2 Đường ĐS7	14 14	5.400.000	20.400.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
	Tổng cộng	34	4.041,50					